

Số: **4393** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **13** tháng **8** năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2536/TTr-SLĐTBXH ngày 05/8/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội bao gồm 09 thủ tục, trong đó: 07 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 02 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 09 thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó: 03 thủ tục liên thông với cấp Trung ương, 04 thủ tục cấp Thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 02 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.

*(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính số 01, 02, 03 lĩnh vực Lao động, Tiền lương và Quan hệ Lao động phần I, Phụ lục 1; Số 03, 04, 05 lĩnh vực Lao động, Tiền lương và Quan hệ Lao động phần I, mục A Phụ lục 2; Số 125 lĩnh vực Người có công phần IX, mục A Phụ lục 2; số 06, 07 lĩnh vực Bảo trợ xã hội - Giảm nghèo phần II, mục C Phụ lục 2 tại Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PCVP L.T.Lực,
- Các phòng: KSTTHC, KGVX, THCB;
- Công Giao tiếp điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC (Quyên).

26219-53



CHỦ TỊCH /s/

Nguyễn Đức Chung

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b>					
1	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: 1. UBND cấp xã: 5 ngày 2. UBND cấp huyện: 10 ngày. 3. Sở Lao động-Thương binh và xã hội: 9 ngày.	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Cổng thông tin điện tử Dịch vụ công trực tuyến	UBND cấp Xã	1. Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; 2. Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 của Chính phủ; 3. Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; 4. Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 5. Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội .	Thủ tục liên thông UBND cấp xã- UBND cấp huyện- Sở LĐTB&XH
<b>II.</b>	<b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG</b>					
2	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: 1. Sở Lao động-Thương binh và xã hội: 20 ngày. 2. UBND Thành phố: 07 ngày.	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Cổng thông tin điện tử Dịch vụ công trực tuyến	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội ,75 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2019 của Chính phủ	Thủ tục liên thông Sở LĐTB&XH- UBND Thành phố Hà Nội
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: 1. Sở Lao động-Thương binh và xã hội: 20 ngày. 2. UBND Thành phố: 07 ngày.	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Cổng thông tin điện tử Dịch vụ công trực tuyến	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội ,75 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2019 của Chính phủ	Thủ tục liên thông Sở LĐTB&XH- UBND Thành phố Hà Nội



**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>					
1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính.	UBND cấp xã	1. Luật người khuyết tật năm 2010; 2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; 3. Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 2/1/2019 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội
2	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	5 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính.	UBND cấp xã	1. Luật người khuyết tật năm 2010; 2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; 3. Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 2/1/2019 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội
<b>Tổng số: 2 thủ tục</b>					

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày tháng

năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG VỚI CẤP TRUNG ƯƠNG BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
I.	<b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ QUAN HỆ LAO ĐỘNG</b>			
1		Số 1, Phần I, phụ lục 1- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị định 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
2		Số 2, Phần I, phụ lục 1- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do bị mất, cháy, hư hỏng	Nghị định 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
3		Số 3, Phần I, phụ lục 1- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị định 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
<b>Tổng số: 3 Thủ tục.</b>				

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
<b>I.</b>	<b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ QUAN HỆ LAO ĐỘNG</b>			
1		Số 3, Phần I, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị định 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
2		Số 4, Phần I, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị định 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
3		Số 5, Phần I, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Báo cáo thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Nghị định 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
<b>II.</b>	<b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b>			
4		Số 125, Phần IX, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
<b>Tổng số: 4 Thủ tục.</b>				

4

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
<b>I.</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI- GIẢM NGHÈO</b>			
1		Số 6, Phần II mục C phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
2		Số 7, Phần II mục C phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
<b>Tổng số: 02 Thủ tục.</b>				

